

# NƠI HỘI NGỘ ĐÔNG — TÂY TRONG THỜI CẬN THẾ

NGUYỄN VĂN HOÀN

*Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*

## 1. Sự qua lại lâu dài trong lịch sử

Vào ngày 19/4/1600, chiếc tàu buôn Hà Lan mang tên De Liefde (Bác ái) trôi dạt vào bờ biển Bungo (nay là Oita), Kyushu. Trên thực tế De Liefde bị hỏng rất nặng, đến nỗi gần như bị đắm. Việc người Nhật Bản cứu giúp những thủy thủ trên con tàu đã mở ra một thời kỳ quan hệ lâu dài trong lịch sử giữa hai nước Nhật Bản và Hà Lan.

Mặc dù hoàn cảnh hai nước có khác nhau vào thời điểm đó, nhưng cả Nhật Bản và Hà Lan đã có một sự khởi đầu quan trọng trong lịch sử quan hệ của họ. Kể từ khi giành được độc lập từ tay người Tây Ban Nha vào năm 1581, Hà Lan bắt đầu tham gia vào cuộc chiến thương mại với các đối thủ nặng ký như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh. Ở Nhật Bản, nửa năm sau sự kiện xuất hiện của con tàu Hà Lan, trận chiến Sekigahara đã xác định được người cai trị toàn bộ quốc đảo này. Trận chiến đã kết thúc thời kỳ tao loạn đẫm máu hơn 100 năm trong lịch sử trung đại Nhật Bản, mở ra thời kỳ thống trị của Mạc Phủ Tokugawa (1600 – 1868). Những thủy thủ tàu De Liefde đã được thừa nhận khi yết kiến Tokugawa Ieyasu (1542 – 1616) ở lâu

đài Osaka, đã và được ưu đãi cùng chiến thắng vĩ đại của ông. Ieyasu đã cho phép Hà Lan cùng Anh và Bồ Đào Nha được tiến hành buôn bán với Nhật Bản.

Sau cuộc gặp gỡ tình cờ, được sự khuyến khích của chính quyền Nhật Bản về chính trị và thương mại, thương nhân Hà Lan đã có được con đường hài hoà khi thâm nhập vào thị trường nội địa nước Nhật đang còn nhiều tiềm năng. Khi đó tại Hà Lan có hai sự kiện quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình phát triển thương mại của nước này, đó là sự sáp nhập hai công ty đối địch thương mại ở vùng Viễn Đông và sự thành lập Công ty Đông Ấn Hà (VOC) vào năm 1602 đặt dưới sự bảo trợ của Nhà nước. Đây là một công ty độc quyền, có hai mục tiêu là kiểm thị trường và đất thực dân, toàn quyền trong quan hệ với bên ngoài, được sử dụng bạo lực, xây cảng, lập thương điểm và ký kết các hiệp ước. Năm 1608, tàu buôn Hà Lan mang quốc thư trình lên Tướng quân Nhật Bản xin được buôn bán. Năm 1609, được sự cho phép của Tướng quân, người Hà Lan đã chính thức mở thương điểm ở Hirado. Jacques Spex nhận trách nhiệm là đại diện thương mại đầu tiên “*Opperhooff*” của Hà Lan, trực tiếp quản lý

thương mại và quan hệ với chính quyền Nhật Bản. Từ đó cho đến năm 1641, "Hirado đã đóng vai trò quan trọng trong lịch sử quan hệ quốc tế ở Viễn Đông không chỉ vì nó là cơ sở thương mại và chiến lược của Công ty Đông Ấn Hà mà còn vì nó là trạm dừng chân quan trọng nhất của người Hà Lan ở vùng quyền lợi cực bắc này". Hoạt động thương mại trên biển giữa Hà Lan và Nhật Bản thông qua thương điểm của Công ty Đông Ấn Hà diễn ra nhộn nhịp và VOC trở nên thịnh vượng trong mối quan hệ này. "Trong vòng 31 năm (1609-1641) tức là từ khi thương điểm Hà Lan được thiết lập ở Hirado đến khi Nhật Bản thực thi chính sách đóng cửa đất nước, tổng cộng đã có 190 chiếc thuyền buôn Hà Lan đến Nhật Bản". "Chỉ tính trong 16 năm 1624-1640, số tàu buôn Hà Lan đến Nhật Bản là 117 chiếc, trung bình có 7,3 chiếc/năm, nhiều gấp đôi so với 55 tàu buôn của Bồ Đào Nha". Sau một thời gian ra sức củng cố chính quyền và thực lực kinh tế, vì lý do an ninh trật tự, chính quyền Nhật Bản dần đi tới sự biệt lập với thế giới bên ngoài. Hành động thể hiện tính chất đó là: Năm 1635, Mạc Phủ cấm tất cả các thuyền buôn Nhật không được ra bên ngoài buôn bán, nếu đã đi thì không được trở về, nếu trở về sẽ bị xử tử. Sự kiện trực tiếp dẫn đến chính sách đóng cửa của Nhật Bản là: Năm 1637, ở vùng Shimabara thuộc miền tây Kyushu, 10.000 nông dân Nhật Bản theo đạo Thiên Chúa với sự ủng hộ của các võ sĩ vô chủ đã nổi dậy chống chính quyền. Mặc dù nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc nổi dậy này là do tình trạng

kinh tế suy kiệt và tính chất hà khắc của bọn lãnh chúa sở tại, nhưng do hầu hết những người tham gia nổi dậy là tín đồ Thiên Chúa giáo, nên nó lại mang đậm tính chất chính trị - tôn giáo. Cuộc nổi dậy bị dập tắt trong biển máu. Hơn 37.000 người ở thành Hara bị giết. Sau đó Mạc Phủ đã ra lệnh trục xuất khỏi Nhật tất cả người Bồ Đào Nha đang làm ăn và sinh sống tại đây, những người bị coi là kẻ chủ mưu trong cuộc nổi dậy này. Sau vụ Shimabara, Nhật Bản đã chấm dứt mọi quan hệ với Bồ Đào Nha. Sau đó, bất kỳ tàu Bồ Đào Nha nào đến Nhật Bản cũng bị đốt cùng với hàng hoá và tất cả những người đi trên tàu đều bị hành hình. Cuối cùng, năm 1639 chính sách "Toả quốc" (Sakoku) đã được vị Shogun thứ 3 Tokugawa Iemitsu (1603 - 1651) ban hành và thực hiện triệt để. Năm 1641, Mạc Phủ chỉ cho phép tàu buôn nước ngoài lập thương điểm và buôn bán ở Nagasaki và ra lệnh rằng, buôn bán với nước ngoài chỉ được tiến hành với Trung Quốc, Hà Lan, Ryukyu (Lưu Cầu) và Nhật Bản sẽ chịu trách nhiệm về chính trị đối với Triều Tiên.

Trong suốt 215 năm thực hiện chính sách "Toả quốc" của Mạc Phủ (1639-1854), người Hà Lan - những người đã dồn hết tâm lực trong việc khuyếch trương buôn bán với Nhật Bản, đã chấp nhận sự di chuyển thương điểm từ Hirado đến Dejima thuộc cảng Nagasaki - nơi họ được phép tự do đi lại. Thành phố Nagasaki tuy không lớn bằng các thành phố khác như Edo, Kyoto, Osaka, nhưng nó lại có một vị thế đặc biệt. "Tuy thành phố này không lớn bằng các thành phố

kể trên, nhưng trong thời kỳ bế quan toả cảng của nước Nhật thời kỳ Edo thì đó là hải cảng duy nhất cho phép tàu buôn nước ngoài (chủ yếu là tàu buôn Trung Quốc và tàu buôn Hà Lan) ghé vào. Đó lại là nơi duy nhất cho phép người nước ngoài (chủ yếu là người Trung Quốc và người Hà Lan) lập thương điểm". Dejima là một hòn đảo nhân tạo nhỏ, một nơi đã trở thành cánh cửa sổ duy nhất của nước Nhật nhìn ra thế giới bên ngoài. Theo qui định của Tướng quân, những thương nhân trong thương điểm Hà Lan ở đây không được phép đi sâu vào nội địa cũng như được ở lâu dài nếu chưa được sự cho phép của chính quyền. Và bắt đầu từ năm 1652, đại diện thương điểm Hà Lan phải trình diện Tướng quân ở Edo mỗi năm một lần.

Hoạt động buôn bán của người Hà Lan ở Dejima không thật dễ dàng và nhiều người đã phải đổi chỗ làm việc do sự giám sát chặt chẽ của chính quyền sở tại. Tuy nhiên trong hơn hai thế kỷ, mặc dù phải đương đầu với biết bao khó khăn, công việc buôn bán lúc thịnh lúc suy, nhưng nhìn chung các thương nhân Hà Lan là những người thành đạt nhất so với những nhà doanh nghiệp phương Tây khác đương thời. "Nói một cách khách quan, họ đã đóng góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy hoạt động thương mại ở Nhật Bản cũng như đem hơi thở phương Tây vào đời sống kinh tế Nhật Bản trong thời kỳ này". Hoàn cảnh đã thay đổi sau khi Hà Lan bị người Pháp chiếm giữ vào năm 1795. Thậm chí Napoleon I còn đưa người anh em của mình là Loui lên làm

vua ở đây vào năm 1806. Năm 1810, Hà Lan bị sáp nhập vào Pháp. Trong thời gian thuộc Pháp (1795-1813), hoạt động thương mại của người Hà Lan ở chính quốc bị đình đốn nghiêm trọng, nguyên nhân là do cuộc chiến tranh giữa nước Pháp và nước Anh diễn ra ác liệt trên biển. Những thuyền buôn Hà Lan không thể nào rời cảng được vì sợ bị đánh đắm và chấp nhận thực tế không thể buôn bán. Vì thế nước Anh đã tiến hành quản lý các thuộc địa của Hà Lan như Tây Nam Ấn Độ, Batavia (Indonesia), Formosa (Đài Loan) trong quãng thời gian (1798-1813). Người Anh còn muốn giành lấy quyền điều khiển Dejima nhưng không được chấp nhận. "Ngày 29/8/1813, theo lệnh của Ruffls, Phó Vương Anh ở Java, 2 tàu Anh là Charlotte và Marina do Waldernal chỉ huy đã đến Nagasaki định chiếm dụng toà thương điểm Hà Lan ở đây nhưng đã bị đại diện Hà Lan là H.Zuff phản ứng quyết liệt và phải rút đi". Như một kết quả, Dejima trở thành địa điểm duy nhất trên thế giới, nơi mà cờ Hà Lan vẫn tung bay và người Hà Lan vẫn có cơ sở tương đối độc lập của họ.

Sự thành đạt của thương nhân Hà Lan bắt đầu từ thế kỷ XVII và kéo dài đến đầu thế kỷ XVIII. Thông qua Dejima, thương nhân Hà Lan đã đưa vào Nhật Bản nhiều mặt hàng được sản xuất ở châu Âu, châu Á, Trung Đông bao gồm: tơ sống, vải, len, bông, lông thú, kẽm, sắt thô, đồ trang trí, ngọc, gương, đồng hồ, ống nhòm, thuốc, nhưng hươu, da cá sấu, sâm, sừng tê, hương liệu, dứa

và dầu dừa, cốc uống nước, kim khâu, dép, bút chì đen đỏ... Những mặt hàng xuất khẩu của Nhật Bản mà người Hà Lan ưa chuộng là vàng và các sản phẩm bằng vàng, tiền và bình bạc, đồng, đồ sứ, đồ sơn mài, rượu sakê, kimono, long não...

Mặc dù quan hệ Nhật Bản - Hà Lan tồn tại thông qua *Dejima* trong suốt 215 năm chính quyền Tokugawa thực hiện chính sách *Toả quốc*, và mối quan hệ tâm điểm là thông thương, bình đẳng, nhưng một điều quan trọng khác nữa là sự trao đổi đó còn diễn ra trong khoa học và nghệ thuật. Thành công của mối quan hệ này góp phần xây dựng quỹ phương Tây ở Nhật Bản, thông qua đó đã từng bước giới thiệu về đẹp lý tính của châu Âu. *Dejima* đã trở thành cửa sổ duy nhất của nước Nhật nhìn ra thế giới, tuy nhỏ và hẹp nhưng lại là tín hiệu để thu lượm một bức tranh sinh hoạt rộng lớn của thế giới. Hòn đảo nhỏ đó đã đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc giúp hai đất nước thuộc hai nền văn hoá xa lạ xích lại gần nhau hơn, học hỏi và giao lưu văn hoá. Mối quan hệ đặc biệt này tiếp tục phát triển thậm chí trong cả thời kỳ Hà Lan bị Pháp xâm lược và cai trị, nhưng đến giữa thế kỷ XIX, khi Nhật Bản chấm dứt chính sách đóng cửa, thì mối quan hệ này dần dần phai nhạt.

## 2. Vùng đất quyền rũ của Nhật Bản

Kể từ khi bắt đầu thực hiện buôn bán trực tiếp với các quốc gia châu Á vào cuối thế kỷ XVI, những công dân giàu có Hà Lan trong suốt thời kỳ hoàng kim của mình đã bị

hấp dẫn bởi các bản báo cáo gửi về từ châu Á. Hòn đảo nhỏ *Dejima* ở Nagasaki liên tục đáp ứng những sản vật của nước Nhật cho thương nhân Hà Lan và làm thoả mãn nhu cầu, sở thích của họ. Như một hệ quả, *Dejima* có vai trò như một trung tâm ở vùng Viễn Đông truyền tải văn hoá phương Đông đến phương Tây.

Đồ sứ được ưa chuộng đặc biệt. Trong những ngày đó, thợ thủ công châu Âu thường học hỏi ở những đồ gốm sứ kiểu mẫu của Trung Quốc. Đồ gốm sứ không chỉ làm đồ gia dụng mà còn để trang trí cho căn nhà sang trọng, thậm trí còn được dùng làm đồ thờ trong các buổi lễ. Hệ quả là thị trường của các sản phẩm này phát triển rất lớn ở châu Âu. Để kiếm lợi nhuận, lúc đầu Công ty Đông Ấn Hà đã mua đồ sứ của Trung Quốc, nhưng cuộc chiến tranh nông dân ở Trung Quốc cuối đời Minh, đầu đời Thanh đã khiến cho sản xuất đình đốn, những người thợ thủ công phiêu tán, những chiếc lò nung bị phá huỷ hoặc không thể sử dụng được. Do nguồn sứ Trung Quốc đã bị cắt bỏ, không còn sự lựa chọn nào khác, Công ty Đông Ấn Hà đã chọn loại sứ Arita (sứ làm ở vùng Arita thuộc *phiên* Hizen nay là tỉnh Saga thuộc Kyushu) là loại sứ rất đẹp của Nhật Bản khi đó. Đồ sứ đã được chuyển đi với số lượng lớn từ cảng Imari đến *Dejima* để về châu Âu. Từ gốm sứ, các loại hàng hóa khác của nước Nhật đã dần được biết đến ở châu Âu. Có thời, tầng lớp thượng lưu ở châu Âu còn đua nhau sưu tầm đồ sơn mài của Nhật Bản và bày đặt trang trọng ở phòng khách hoặc nơi làm việc, thậm

chí nhiều bộ trang phục của quý ông, quý bà còn được in hình vẽ trên đồ sơn mài. Kimono đã trở nên phổ biến ở Hà Lan. Nhiều người như quan toà hay luật sư đã mua Kimono để mặc trong nhà. Những chủ sản xuất bia Hà Lan rất thích thú kỹ thuật làm rượu sake, và mặc dù không thể sản xuất lúa được ở Hà Lan, nhưng trên thị trường Amsterdam luôn có rất nhiều loại lúa đẹp để may quần áo. Các vị thuốc cổ truyền và phương pháp châm cứu của người Nhật cũng thu hút sự quan tâm và học hỏi của người Hà Lan.

Những nhân viên của thương điểm Hà Lan ở Dejima đã góp phần quan trọng trong việc giới thiệu với châu Âu bức tranh tương đối hoàn chỉnh và rõ nét về nước Nhật, từ những phong tục tập quán, nền văn hoá rực rỡ cho đến phong cách, lối sống của người Nhật. Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, những nghiên cứu về Nhật Bản bao gồm lịch sử tự nhiên, động vật học, thực vật học, địa chất học và khoáng vật học đã được giới thiệu dần dần ở châu Âu. Khá nhiều nhà nghiên cứu tên tuổi thích thú với lịch sử tự nhiên của nước Nhật, có thể kể tên như học giả Jan Cock Blomhoff, Johannes van Overmeer Fisscher và Philipp von Siebold (1796-1866) - bác sĩ người Đức đến làm việc ở Nagasaki cho thương điểm Hà Lan trong quãng thời gian 11/8/1823-5/12/1829. Ngoài công việc là người đứng đầu, quản lý hoặc nhà khoa học, những người này rất thích nghiên cứu thuốc chữa bệnh, luật pháp, lịch sử tự nhiên cũng như nhân chủng học và văn hoá. Trên

thực tế, trong thời gian sống và làm việc trong cương vị người đứng đầu (*Opperhoff*) thương điểm Hà Lan từ 1817 - 1823, Jan Cock Blomhoff đã tích góp được bộ sưu tập về Nhật Bản rất lớn và giá trị. Một trong những việc đầu tiên ông làm khi đến *Dejima* là tập hợp thợ thủ công ở Nagasaki để xây dựng một diện mạo hiện đại cho hòn đảo và tất cả các toà nhà ở đây. Ông còn gửi nguyên một mô hình nhà kiểu Nhật dài 6m, rộng 3m về Hà Lan năm 1818. Ông lựa chọn được 1.600 hiện vật tiêu biểu của nền văn hoá Nhật Bản từ hội họa, gốm sứ, kimono, đồ trang sức cũng như các vật dụng sinh hoạt thường ngày. Từ những bản báo cáo của ông, chúng ta biết rằng Blomhoff đã đánh giá rất cao giá trị những sản phẩm được thợ thủ công và họa sĩ người Nhật sản xuất. Ông thực sự ngạc nhiên về vẻ đẹp của chúng. Khi trở về Hà Lan, ông đã hiến tặng một phần những hiện vật đó cho Bảo tàng Hoàng gia và thậm chí còn bán lại cho Vua Hà Lan bộ sưu tập của mình để được lưu giữ trong bảo tàng. Cũng giống như Blomhoff, von Siebold đã gửi về châu Âu rất nhiều báo cáo và có cả một hệ thống những bộ sưu tập từ nghệ thuật đến các sản phẩm thủ công như gốm sứ, sơn mài, thư pháp và cả một mô hình nhà ở của người Nhật. Nhiều đồ vật đó hiện vẫn còn tồn tại đến ngày nay, ví dụ dũa, lược. Ông còn có cả những tác phẩm chuyên nghiên cứu về hệ động thực vật Nhật Bản (*Flora Japonica and Fauna Japonica*). Đây là những công trình khoa học đầu tiên giới

thiệu sinh thái Nhật Bản tới các học giả phương Tây. Bên cạnh đó, cuốn sách “*Nippon*” của von Siebold đã phản ánh một cái nhìn lý tính về xã hội nước Nhật trong suốt kỷ nguyên đóng cửa biệt lập với thế giới bên ngoài.

Cùng với “*Nippon*” của von Siebold, cuốn sách “*Lịch sử Nhật Bản với diện mạo của nó ở Vương quốc Siam 1690 - 1692*” của Engelbert Kaempfer (1651- 1716), bác sĩ người Đức đến Nagasaki và làm được sĩ tại Sở Ngoại vụ từ 16/8/1690-22/9/1692, đã gây được ấn tượng rất lớn đối với các nhà nghiên cứu chính trị – xã hội, triết học và các nhà văn châu Âu trong đó có Voltaire, Montesquieu, Diderot, Goethe, Kant và Marx. Cuốn sách của Kaempfer đã thúc giục thêm quyết tâm cho người châu Âu mau đến khám phá Nhật Bản.

Nơi lưu giữ những bộ sưu tập quan trọng về đồ vật Nhật Bản là Bảo tàng Hoàng gia Hà Lan, được khánh thành vào năm 1816. Đầu tiên ở đây lưu giữ các đồ vật tiêu biểu của nền văn hoá Trung Hoa do một thương nhân là Jan Theodore Roger tặng cho chính quyền Hà Lan. Sau đó vua William I của Vương quốc Hà Lan đã quyết định Bảo tàng còn cần phải được bổ sung nhiều hơn nữa những hiện vật từ khắp nơi trên thế giới. Vua William I đã nối lại mối quan hệ Hà Lan và Nhật Bản đã kéo dài trong 200 năm và qua *Dejima*, các đồ vật liên quan đến chính trị và dân tộc Nhật Bản đã được sưu tập về Hà Lan có hệ

thống và làm giàu thêm hiện vật cho Bảo tàng Hoàng gia Hà Lan.

### 3. Du nhập khoa học và công nghệ phương Tây

Trung tâm mối quan hệ giữa Nhật Bản và Hà Lan là buôn bán. Mối quan hệ này không phải diễn ra một chiều mà có sự qua lại. Đối với nước Nhật, chính sách *Toả quốc* (Sakoku) làm quốc gia này biệt lập với thế giới bên ngoài. Nhưng *Dejima* và người Hà Lan trong thương điểm của họ ở đây đã đưa ánh sáng của bên ngoài đến Nhật và truyền tải thông tin từ Nhật ra thế giới bên ngoài.

Chính quyền Nhật Bản qui định nghĩa vụ của người Hà Lan ở Nagasaki là phải thường xuyên báo cáo về sự phát triển của thế giới, đặc biệt là các quốc gia Thiên Chúa giáo như một sự trao đổi để cho phép thương nhân Hà Lan được độc quyền buôn bán với nước Nhật. Báo cáo mà người Hà Lan đệ trình lên Tướng quân có tên là *Fusetsugaki* và phải được đệ trình ngay khi có một thuyền buôn của Hà Lan cập cảng *Dejima*. Đệ trình *Fusetsugaki* cùng với *Edo Sampu* (trình diện ở Edo) là một qui định của Mạc Phủ bắt đầu từ năm 1652. Đại diện thương điểm Hà Lan hàng năm phải trình diện Tướng quân ở Edo. Đây là điều kiện quan trọng nhất mà người Nhật buộc người Hà Lan phải thực hiện rồi mới tính đến chuyện buôn bán. Riêng về phía đại diện Hà Lan, việc giữ gìn mối quan hệ thân thiện với Mạc Phủ để phát triển buôn bán là công việc rất quan trọng.

Sau một thời gian khai thác, xuất khẩu, mặt hàng kim loại như vàng, bạc, đồng của Nhật Bản đã dần bị cạn kiệt. Trong khi đó, Mạc Phủ lại rất quan tâm tới việc nhập khẩu các mặt hàng như tơ sống và đồ dệt để phát triển ngành thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, và thực tế trong suốt thời kỳ thực hiện chính sách *Toả quốc*, nước Nhật đã tự sản xuất được những mặt hàng tiêu dùng cần thiết mà không cần phải nhập khẩu từ bên ngoài. Khi thương mại hoạt động ngày càng khó khăn ở Nhật, người Hà Lan du nhập vào Nhật Bản qua Dejima thông tin về khoa học, nghệ thuật và công nghệ. Năm 1720, Shogun thứ 8 dòng họ Tokugawa Yoshimune (1677-1751), vị Tướng quân thực hiện nhiều chính sách cải cách lúc đương quyền, đã nói lỏng luật kiểm soát đối với sách báo nước ngoài trước kia bị nghiêm cấm, nhờ đó các thành tựu khoa học phương Tây với nền tảng *chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa thực dụng* bao gồm y học, thực vật học và thiên văn học bắt đầu được giới thiệu ở Nhật Bản mà nơi đầu tiên là Dejima. Những nghiên cứu phát triển đó được biết đến qua phong trào *Hà Lan học* (Rangaku) và *Phương Tây học* (Yogaku) để bổ sung những giới hạn trong việc nghiên cứu thế giới theo những quan điểm của học giả Trung Quốc. Rangaku là một trào lưu học thuật và tư tưởng phát triển mạnh ở Nhật Bản sau chính sách văn hoá thông thoáng của Tướng quân Yoshimune. Rangaku đã khuyến khích người Nhật Bản tiếp thu tư tưởng, khoa học, kỹ thuật phương Tây để qua đó tăng cường sức mạnh đất nước, đồng thời đả phá

những quan niệm tư duy thủ cựu. Các học giả nổi tiếng của phong trào Rangaku gồm có: Aoki Konyo, Ino Tadataka, Sugita Genpaku... “*Ragaku không chỉ thức tỉnh người Nhật trước những thành tựu khoa học kỹ thuật phương Tây mà còn đem lại niềm đam mê mãnh liệt về những gì mà phương Tây có vào đầu thời Minh Trị*”. Những sinh viên Rangaku và Yogaku đã được học theo phương pháp coi trọng tính hợp lý của chủ nghĩa duy lý, khả năng phân tích rất giàu trong truyền thống của người Nhật lại có thêm môi trường thuận lợi để phát triển.

Những nhà nghiên cứu nói rằng, các thành viên trong thương điểm Hà Lan ở Dejima – Nagasaki đã rất cố gắng phát triển phong trào Rangaku. Hendrik Doeff, người đứng đầu thương điểm năm 1803 đã hoàn thành cuốn *Từ điển Nhật-Hà*. Von Siebold còn được Mạc Phủ cho phép thành lập một trường quốc tế và một bệnh viện ở Dejima. Ông và các học trò người Nhật đã có công lớn trong việc du nhập khoa học y học phương Tây vào Nhật Bản. Không chỉ vậy, nhiều trường học theo phong trào Rangaku và Yogaku cũng được chính những người Nhật tự mở ở nhiều địa phương bên ngoài Nagasaki. Là một *han* (phiên) lớn ở Tây-Nam Nhật Bản, Satsuma là một trong những lãnh địa đầu tiên phát triển ngành Hà Lan học. Nhiều ấn phẩm của châu Âu đã được các trí thức hăm hở dịch sang tiếng Nhật và qua đó những tri thức khoa học, thành tựu công nghiệp châu Âu đã được truyền bá vào Nhật Bản. “*Ngay trong điều kiện đóng cửa đất nước, lãnh chúa địa phương*

cũng đã chọn cử một số trí thức trẻ đến Edo, Ossaka, Nagasaki...theo học các lớp huấn luyện về khoa học kỹ thuật phương Tây”. Năm 1847, Satsuma thành lập một cơ sở để dạy về kỹ thuật vũ khí phương Tây. Năm 1854, Satsuma cũng bắt đầu quan tâm đến việc xây dựng một lực lượng hải quân hiện đại. “Họ đã thuê một nhóm chuyên gia đóng tàu Hà Lan gồm 20 người và cho lập một xưởng đóng tàu tại địa phương”. Han Choshu cũng rất tích cực trong phong trào Âu học này. Họ vừa cử người đi học ở trong nước, đồng thời cử cả “những người có khả năng sang các cơ sở đào tạo Âu học danh tiếng tu nghiệp”. Những ngôi trường theo phương pháp giáo dục phương Tây đã đào tạo được rất nhiều cá nhân xuất sắc. Những người đó đã trở thành ngọn đuốc đi đầu trong quá trình kết hợp Wayo-Setchu, ghép từ các từ *Wa* (tinh thần người Nhật) và *Yo* (phong cách phương Tây), có nghĩa là “công nghệ phương Tây, truyền thống Nhật Bản”, trong suốt và sau kỷ nguyên Meiji giữa thế kỷ XIX, khi Hoàng đế khôi phục thực quyền, chấm dứt sự điều khiển của tầng lớp quân sự trong suốt gần 7 thế kỷ (1192-1868) ở Nhật Bản thời trung đại.

Tóm lại, hòn đảo Dejima đã đóng một vai trò quan trọng trong sự giao lưu kinh tế, văn hoá Đông-Tây trong thời cận thế. Tất cả hàng hoá của Nhật Bản đều được Công ty Đông Ấn Hà chuyển từ Dejima đi khắp nơi trên con đường buôn bán rộng lớn của họ. Những bộ sưu tập Nhật Bản đã được giới thiệu rộng rãi đối với công chúng Hà Lan. Từ từ, văn hoá Nhật Bản đã thấm thấu, bước vào

và có sự dung hợp (*Civilization*) với văn hoá Hà Lan. Mặt khác, thông qua cửa sổ Dejima nhìn ra thế giới, người Nhật đã học được khoa học công nghệ và cách tổ chức chính trị theo kiểu phương Tây. Hòn đảo nhỏ Dejima đã thực sự trở thành cầu nối Đông-Tây theo đúng nghĩa của nó trong thời kỳ nước Nhật biệt lập với bên ngoài (1639-1854).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Gia Khánh, *Thời kỳ Edo và những tiền đề của công cuộc Minh Trị Duy Tân*, Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản, số 1/1996.
2. Nguyễn Văn Kim, *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa-Nguyên nhân và hệ quả*, Nxb Thế Giới, Hà Nội, 2000.
3. Nguyễn Văn Kim, *Người Hà Lan-những năm đầu ở Nhật Bản*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4/1994.
4. Nguyễn Văn Kim, *Mấy suy nghĩ về thời kỳ Tokugawa trong lịch sử Nhật Bản*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6/1994.
5. Nguyễn Văn Kim, *Vai trò của các Tozama Daimyos trong tiến trình cải cách ở Nhật Bản (Những vấn đề khoa học đang đặt ra)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4/1999.
6. Tạp chí Pacific Friend, *400 years friendship between Japan and Netherland, East meets West*, Hội Văn hoá quốc tế Nhật Bản xuất bản, nguyệt san tiếng Anh, số 10/2000.
7. Tạp chí Pacific Friend, *A thousand Brillian Years of Japanese Culture*, Hội Văn hoá quốc tế Nhật Bản xuất bản, nguyệt san tiếng Anh, số 1/2000, Vol.27, No.9.